

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày 17-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nghĩa Hương.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Bà Đoàn Kim Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 14 và 17 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2022/HSST- QĐ ngày 02/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2022/HSST- QĐ ngày 26/12/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TBTA-HS ngày 28/02/2023 đối với bị cáo:

Trương Minh Tr, sinh năm 1975 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp Ô Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương G (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2022, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Chí K và ông Trần Văn Ch là Luật sư Công ty luật TNHH Hải Nam - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị hại: Bà Đặng Xuân Phương L, sinh năm 1978, nơi cư trú: số 26/8 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phan Hồng M, sinh năm 1992, nơi cư trú: số 68 khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Kim Th, sinh năm 1985, nơi cư trú: số 1/8 đường Nguyễn Đức T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Bà Trương Thị Kim T, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Minh Tr và Võ Thị Kim Th có mối quan hệ quen biết nhau từ khoảng đầu năm 2019. Thoa có thửa đất số 1139 diện tích 252,8m² tọa lạc tại khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là thửa đất số 1139) nhờ cha và mẹ của Th là ông Võ Trí D và bà Đinh Thị M đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12 tháng 4 năm 2019, ông D và bà M đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất này cho ông Trần Huy Cường. Ông Cường đã được cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất và đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1139 để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Dương.

Thoa ở gần nhà với bà Đặng Xuân Phương L. Khoảng tháng 4 năm 2019, bà L biết tin Th có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 1139 nên hỏi Th thì Th cho biết đã chuyển nhượng cho người khác.

Khoảng tháng 6 năm 2019, Th và Tr bàn bạc lừa đảo bà Đặng Xuân Phương L chuyển nhượng thửa đất số 1139 chiếm đoạt tiền chia nhau tiêu xài, đồng thời đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ giả khác như Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình... mang tên Trần Huy Cường. Tiếp đó, Th nhắn tin với bà L là ông Cường cần chuyển nhượng lại thửa đất số 1139, Th gửi hình Giấy chứng nhận của thửa đất cho bà L và cho số thuê bao của Truyền để bà L liên lạc (Th nói với bà L đây là số thuê bao của chủ quyền sử dụng đất).

Sau đó, một người nam (chưa xác định được lai lịch) sử dụng số thuê bao mà Th đã cho gọi cho bà L xưng tên là Cường, là chủ quyền sử dụng đất đối với thửa số 1139 và muốn chuyển nhượng lại. Bà L thỏa thuận với người này giá chuyển nhượng thửa đất số 1139 là 5.700.000.000 đồng.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, một người nam (chưa xác định được lai lịch) đóng giả chủ đất tên Cường đến gặp bà L tại nhà ở số 26/8 khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ký giấy đặt cọc với bà L và nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của bà L. Người này giao cho bà L bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chứng minh nhân dân tên Trần Huy Cường và nói bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp ở ngân hàng. Hai bên hẹn 45 ngày sau sẽ đến phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Trương Minh Tr có quan hệ quen biết với ông Phan Hồng M, khoảng giữa tháng 7 năm 2019, Tr hỏi mượn tài khoản ngân hàng của ông M để nhận tiền giúp bạn do tài khoản của Tr bị ngân hàng khóa. Ông M cho Tr số tài khoản 19033901842015 tại Ngân hàng Techcombank-Chi nhánh Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 14 tháng 7 năm 2019, người đóng giả chủ đất tên Cường nhắn tin cho bà L với nội dung là cần tiền để làm thủ tục giải chấp ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Ngày 15 tháng 7 năm 2019, người đóng giả chủ đất tên Cường nhắn tin cho bà L số tài khoản ngân hàng 190.339.018.420.15 của ông Phan Hồng M để bà L nộp tiền vào tài khoản. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2019, bà L đã đến ngân hàng nộp số tiền 310.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của ông M theo yêu cầu của người đóng giả chủ đất tên Cường. Cùng ngày, Tr kêu ông M đến ngân hàng rút số tiền 310.000.000 đồng đưa cho Tr, sau đó Tr giao lại cho Th.

Những ngày tiếp theo, để bà L giao thêm tiền cho Th, người đóng giả chủ đất tên Cường nhắn tin cho bà L với lý do là đang nợ tiền của người khác nên bị đuổi đánh phải lẩn trốn, người cho vay tiền đang giữ bản chính các giấy tờ liên quan đến việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như: Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân, mảnh trích lục địa chính, giấy xác nhận tình trạng bất động sản... nên phải trả tiền để lấy giấy tờ về mới thực hiện được việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L. Để bà L thêm tin tưởng, người đóng giả chủ đất tên Cường nói với bà L là nhờ Th đem giấy tờ liên quan đến việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến giao cho bà L và nhận tiền từ bà L.

Thỏa yêu cầu Tr viết giấy mượn tiền đề ngày 18/7/2019 đưa cho Th để lừa bà L với nội dung: “Tôi tên Trần Huy Cường, sinh ngày 01/8/1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh. CMND số 281176084 cấp ngày 28/9/2013, Công an tỉnh Bình Dương cấp. Hôm nay ngày 18/7/2019 tôi mượn của chị L 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng. Trong một tháng tôi sẽ thanh toán lại cho chị L đầy đủ (có kèm chứng minh nhân dân phô tô)”. Ngày 19/7/2019, Th giao cho bà L 01 Giấy mượn tiền đề ngày 18/7/2019 do Tr viết cùng với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO139996 tên Trần Huy Cường, bà L đưa cho Th số tiền 600.000.000 đồng để giao cho chủ đất tên Cường và sẽ trừ vào tiền chuyển nhượng đất. Th nhận tiền của bà L và ghi, ký xác nhận vào Giấy mượn tiền ngày 18 tháng 7 năm 2019 nội dung là “Em nhận dùm A Cường 600.000.000”.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 và ngày 01 tháng 8 năm 2019, theo yêu cầu của người đóng giả chủ đất tên Cường, bà L đưa cho Th số tiền 500.000.000 đồng để giao cho chủ đất tên Cường mượn, Th nhận tiền của bà L và ghi ký xác nhận vào Giấy mượn tiền đề ngày 18/7/2019 với nội dung là “Em nhận dùm A Cường 500.000.000”.

Th yêu cầu Tr viết giấy mượn tiền đề ngày 27/6/2019 với nội dung “Hôm nay ngày 27/6/2019. Tôi tên Trần Huy Cường ...Tôi có nợ cô Oanh 1 tỷ 8 (một

tỷ tám). Và cô Oanh có giữ chứng minh và hộ khẩu bản gốc của tôi. Khi nào tôi trả tiền cô Oanh đủ 1 tỷ 8 (một tỷ tám) cô Oanh sẽ trả lại chứng minh và hộ khẩu cho tôi”.

Ngày 01/8/2019, Th giao cho bà L 01 Giấy nợ tiền đề ngày 27 tháng 6 năm 2019 do Tr viết, 01 Sổ hộ khẩu và 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Huy Cường, bà L đưa cho Thoa 1.000.000.000 đồng để đưa cho chủ đất tên Cường trả nợ cho cô Oanh. Th nhận tiền của bà L và ghi, ký xác nhận vào Giấy nợ tiền đề ngày 27/6/2019 là “1/8/2019 Thoa nhận dùm A Cường 1 tỷ đồng”.

Th tiếp tục yêu cầu Tr viết Giấy mượn tiền đề ngày 14/5/2019 với nội dung “Hôm nay ngày 14 tháng 5 năm 2019. Tôi tên Trần Huy Cường ...Tôi có mượn anh Quang số tiền 1 tỷ 6 (một tỷ sáu) khi nào tôi bán được căn nhà 252m tôi sẽ trả anh Quang đầy đủ. A. Quang có giữ của tôi 1 trích lục và 1 giấy xác nhận tình trạng bất động sản kèm theo sổ hộ khẩu phô tô. Nếu tôi không trả anh Quang có quyền lấy nhà trừ nợ, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, Th giao cho bà L 01 Giấy mượn tiền đề ngày 14/5/2019 do Tr viết cùng với 01 Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý - 2018 tên Trần Huy Cường, 01 Đơn đề nghị xác nhận tình trạng bất động sản đề ngày 20 tháng 6 năm 2019 tên Trần Huy Cường, bà L đưa cho Th số tiền 600.000.000 đồng để đưa cho chủ đất tên Cường trả nợ cho anh Quang. Th nhận tiền của bà L và ghi, ký xác nhận vào Giấy mượn tiền đề ngày 14 tháng 5 năm 2019 là “6/8 Em nhận giùm A Cường 600.000.000”.

Bên cạnh đó, trong quá trình giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà L thì người đóng giả chủ đất tên Cường còn giới thiệu để bà L thỏa thuận nhận chuyển nhượng thửa đất số 1140 diện tích 117,2m² ở phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (cạnh thửa đất 1139). Người này nói với bà L thửa đất số 1140 của anh trai tên Trần Huy Hoàng và cho bà L số thuê bao 0915 520 722 của Hoàng để liên lạc.

Bà L liên lạc với người tên Hoàng thỏa thuận giá chuyển nhượng thửa đất số 1140 là 2.700.000.000 đồng. Ngày 24 tháng 7 năm 2019, có người nam (chưa xác định được lai lịch) xưng tên Hoàng đến nhà gặp bà L ký giấy đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 1140. Bà L giao cho Hoàng số tiền 1.500.000.000 đồng và Hoàng giao cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 244821.

Đến thời hạn ký hợp đồng công chứng theo thỏa thuận, bà L liên lạc với Cường giả, Hoàng và Th nhưng tất cả đều né tránh, không hợp tác. Bà L đi xác minh thì biết bị lừa nên ngày 22/8/2019 làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và giao nộp các giấy tờ do Th, Hoàng giao cho bà L.

Theo các Kết luận giám định số 379/GĐ-PC09, số 380/GĐ-PC09 ngày 08 tháng 10 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 244821 tên Trần Huy Hoàng và

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO139996 tên Trần Huy Cường là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Theo các Kết luận giám định số 414/GĐ-PC09, số 415/GĐ-PC09 ngày 08 tháng 11 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ Trần Huy Cường và Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Huy Cường là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Theo Kết luận giám định số 448/GĐ-PC09 ngày 10 tháng 11 năm 2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: 01 Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý – 2018 và 01 Đơn đề nghị xác nhận tình trạng bất động sản đề ngày 20 tháng 6 năm 2019 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Theo Kết luận giám định số 479/GĐ-PC09 ngày 22 tháng 11 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Chữ ký mang tên Võ Thị Kim Th dưới các nội dung “Em nhận dùm A Cường 600.000.000”, “26/7/2019 Em nhận dùm A Cường 500.000.000” và “1/8/2019 Thoa nhận dùm A Cường 1 tỉ đồng” trên 02 Giấy mượn tiền và 01 Giấy nợ tiền đề các ngày 14 tháng 5, 18 tháng 7 và 27 tháng 6 cùng năm 2019 là do Võ Thị Kim Th ký, viết ra.

Theo Kết luận giám định số 508/GĐ-PC09 ngày 25 tháng 12 năm 2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định chữ viết trên Sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ Trần Huy Cường mà Th giao cho bà L là do Th viết ra.

Theo Kết luận giám định số 43/GĐ-PC09 ngày 05 tháng 02 năm 2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định chữ viết mang tên Trần Huy Cường trên 02 Giấy mượn tiền và 01 Giấy nợ tiền đề các ngày 14 tháng 5, ngày 18 tháng 7 và ngày 27 tháng 6 cùng năm 2019 là do Trương Minh Tr viết ra.

Như vậy, tổng số tiền mà Th, Tr và đồng phạm chiếm đoạt của bà L là 4.010.000.000 đồng, trong đó: bà L giao cho Th số tiền 2.700.000.000 đồng; bà L giao cho Tr thông qua tài khoản ngân hàng của Phan Hồng M là 310.000.000 đồng, bà L giao cho người đóng giả chủ đất tên Cường số tiền 1.000.000.000 đồng.

Sau khi phạm tội Trương Minh Tr bỏ trốn, đến ngày 21/7/2022 thì bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Tr chỉ khai nhận: Tr có quan hệ quen biết với Võ Thị Kim Th từ khoảng đầu năm 2019. Th kêu Tr đóng giả người chủ đất Trần Huy Cường viết Giấy mượn tiền đề ngày 14/5/2019, Giấy nhận nợ đề ngày 26/6/2019 và Giấy mượn tiền đề ngày 18/7/2019 để Th giao bà L, bà L tin tưởng giao tiền cho Th để giao cho chủ đất tên Cường. Tr không trực tiếp gặp bà L, không gọi điện thoại, nhắn tin với bà L. Việc Th sử dụng giấy tờ giả lừa đảo bà L cùng với ai nữa và chiếm đoạt bao nhiêu tiền thì Tr không biết. Tr được Th cho tiền nhiều lần với số tiền khoảng 400.000.000 đồng.

Võ Thị Kim Th khai nhận: Khoảng tháng 6 năm 2019, thầy Tâm (Trương Minh Tr) gọi điện thoại rủ Th lừa đảo bà L bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Huy Cường thì Th đồng ý. Thực hiện theo yêu cầu của Tr, Th nhắn tin cho bà L việc người tên Cường muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 1139 và cho bà L số thuê bao 0769916626 của Tr để bà L liên lạc. Sau đó, Tr đóng giả ông Cường để thỏa thuận với bà L việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất qua điện thoại. Th chỉ giao cho bà L 01 Sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ Trần Huy Cường và nhận giùm cho Tr số tiền 1.600.000.000 đồng, Th được Tr chia số tiền 400.000.000 đồng. Ngoài ra, các giấy tờ giả khác Th không giao cho bà L, nội dung trao đổi giữa Tr và bà L như thế nào, Tr có trực tiếp gặp bà L hay cấu kết với người khác nữa thì Th không biết.

Bà Đặng Xuân Phương L khai: Bà L có mối quan hệ quen biết với Trương Minh Tr, tên thường gọi là thầy Tâm làm nghề xem bói ở phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tr không phải là người đóng tên giả chủ đất Trần Huy Cường đến gặp bà L, ký tên giấy đặt cọc và nhận số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 01/7/2019.

Đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với người đóng giả chủ đất tên Trần Huy Hoàng: Quá trình điều tra đến nay chưa có căn cứ để xác định Th cấu kết với đồng phạm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của L số tiền 1.500.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau khi có căn cứ.

Đối với hành vi của Võ Thị Kim Th, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đã được giải quyết theo Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, bà Trương Thị Kim T, là chị bị cáo T đã bồi thường cho bị hại Đặng Xuân Phương L số tiền 400.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 148/CT-VKS.P1, ngày 08 tháng 11 năm 2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố bị cáo Trương Minh Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo. Qua xét hỏi có căn cứ xác định bị cáo Tr thực hiện hành vi giúp sức cho Võ Thị Kim Th trong việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tuy nhiên bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo có di ruột được tặng thưởng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 2 lần trở lên. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm a khoản 4

Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu, con dấu giả của cơ quan tổ chức”, tổng hợp hình phạt chung cho hai tội từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: không đề nghị xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Trần Chí K trình bày: Quá trình điều tra bị cáo có thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại xác định không biết bị cáo Tr là ai. Bị cáo không giao tiếp với bị hại, tất cả giao dịch đều do bà Th thực hiện, bị cáo chỉ là người giúp sức cho bà Th và chỉ được hưởng lợi 380.000.000 đồng. Sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại 400.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Trần Văn C trình bày: Thống nhất với trình bày của Luật sư K. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người đi tu, gia đình bị cáo có công với Nhà nước, trước đây bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị hại trình bày nội dung sự việc như đã trình bày tại Cơ quan điều tra, sau khi sự việc xảy ra, chị của bị cáo Tr đã bồi thường cho bà L 400.000.000 đồng. Các giấy tờ giả mà bị hại nộp cho Cơ quan điều tra là do bị cáo Th đưa cho bà L khi nhận tiền, bà L chưa gặp bị cáo Tr lần nào, chỉ giao tiếp với bị cáo Th. Bà L đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị Kim Th trình bày: Bà Kim T là chị bị cáo Tr, khi Tr bị bắt thì có nhờ bà T bồi thường cho bị cáo nên bà T thay mặt bị cáo đã bồi thường cho bị hại 400.000.000 đồng, bà T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị Kim Th trình bày: Th và bị cáo Tr có thỏa thuận lừa bà L chiếm đoạt số tiền như 04 giấy mượn tiền, sau khi lấy được tiền bà Th giữ 1.600.000.000 đồng, đưa cho bị cáo Tr 1.100.000.000 đồng. Đối với các giấy tờ giả, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Huy Cường, bị cáo có bản phô tô do trước đây phần đất này là của gia đình bị cáo chuyển nhượng cho ông Cường nên biết rõ thông tin về ông Cường. Bị cáo có lên mạng xã hội tìm hiểu thông tin làm giấy tờ nhưng bị cáo chỉ nhờ làm giả Sổ hộ khẩu, các giấy tờ khác bị cáo có tham khảo trên mạng xã hội và gửi hình Zalo cho Tr, bà Th không biết ai làm.

Bị cáo Tr trình bày: Vì nghe lời của Th nên bị cáo viết 4 giấy mượn tiền, ghi số tiền mượn và thông tin về ông Cường trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy chứng minh nhân dân, Đơn đề nghị xác nhận tình trạng bất động sản, ghi người viết là Trần Huy Cường. Thực tế bị cáo không biết ông Cường là ai, bị cáo viết giấy theo lời đọc của Th, bị cáo cũng không trực tiếp gặp và nhận tiền của chị L. Có một lần Th yêu cầu bị cáo nhận tiền người chuyên là chị L nhưng do tài khoản bị cáo bị đóng nên bị cáo nhờ chuyển vào tài khoản bạn bị cáo là Phan Hồng M, sau đó bị cáo nhờ M rút và đưa toàn bộ cho Th. Sau khi viết giấy tờ thì Th có đưa cho bị cáo 380.000.000 đồng. Bị cáo không làm giấy tờ giả như Th trình bày. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo chỉ thừa nhận đóng giả người chủ đất Trần Huy Cường viết Giấy mượn tiền, Giấy nhận nợ để Th giao bà L và nhận tiền từ bà L giao cho chủ đất tên Cường và cho số tài khoản của ông Phan Hồng M để bà L chuyển tiền vào tài khoản của M rồi rút ra giao cho Th, không thừa nhận toàn bộ số tiền như cáo trạng mà Viện kiểm sát kết luận, không thừa nhận cùng Th làm giả giấy tờ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản bà L.

Xét thấy, Giấy mượn tiền đề ngày 14/5/2019, Giấy nhận nợ đề ngày 26/6/2019 và Giấy mượn tiền đề ngày 18/7/2019 do bị cáo Tr viết đều chứa đựng nội dung liên quan đến số tiền mà bà L giao cho Th và các giấy tờ giả mang tên Trần Huy Cường. Quá trình điều tra Võ Thị Kim Th và bị cáo Trương Minh Tr đổ lỗi cho nhau về việc người làm giấy tờ giả. Qua xét hỏi tại phiên tòa, Võ Thị Kim Th thừa nhận bà Th đưa thông tin để nhờ làm Sổ hộ khẩu giả đứng tên Trần Huy Cường, các tài liệu giả khác bà Th có tham khảo trên mạng xã hội nhưng không làm mà gửi thông tin qua Zalo cho bị cáo Tr, còn ai làm giả thì bà Th không biết; bị cáo Tr không thừa nhận và xác định chỉ ghi thông tin các tài liệu giả trên các giấy mượn tiền theo hướng dẫn của Th chứ không trực tiếp làm các giấy tờ này. Bị hại L xác định các giấy tờ giả là do Th đưa cho bà L khi nhận tiền. Do đó có căn cứ xác định Võ Thị Kim Th là người làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo Tr là đồng phạm giúp sức.

Khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử Võ Thị Kim Th và ban

hành Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày 07/7/2022 thì bị cáo Tr chưa bị bắt, Th cho rằng Trương Minh Tr là người khởi xướng và làm các giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Đặng Xuân Phương L. Lời khai này là không đúng, không phù hợp với lời khai của bà Th, bị cáo Tr và bị hại L tại phiên tòa này, không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án và hành vi các bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo Tr cho rằng không cấu kết với Th làm giấy tờ giả là nguy hiểm, nhằm trốn tránh sự trừng trị của pháp luật. Căn cứ lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ là các giấy tờ giả và số tiền các bị cáo chiếm đoạt có căn cứ xác định: từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, Võ Thị Kim Th và bị cáo Trương Minh Tr bàn bạc làm giả các giấy tờ, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO139996 tên Trần Huy Cường; 01 Sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ Trần Huy Cường, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Huy Cường, 01 Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý – 2018 và 01 Đơn đề nghị xác nhận tình trạng bất động sản đề ngày 20 tháng 6 năm 2019 để chiếm đoạt của bà Đặng Xuân Phương L số tiền 3.010.000.000 đồng, bị cáo Tr thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Th.

Riêng đối với số tiền mà người đóng tên giả chủ đất Trần Huy Cường nhận của bà L khi thỏa thuận ký giấy đặt cọc và nhận số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 01/7/2019. Bị cáo Tr không thừa nhận ký hợp đồng đặt cọc và nhận số tiền này, bà L cũng xác định người ký hợp đồng đặt cọc và nhận 1.000.000.000 đồng của bà L không phải là bị cáo Tr. Do đó không có căn cứ xác định bị cáo Tr chiếm đoạt số tiền này.

[3] Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Minh Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, Cáo trạng truy tố bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng khi thỏa thuận ký giấy đặt cọc ngày 01/7/2019 là chưa đủ căn cứ. Do số tiền đề nghị truy tố không phù hợp với số tiền bị cáo Tr và đồng phạm chiếm đoạt của bị hại nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là không phù hợp với hành vi khách quan của bị cáo Tr đã thực hiện. Bị cáo Tr cùng với Võ Thị Kim Th cung cấp thông tin cá nhân Trần Huy Cường trùng thông tin của ông Cường đã nhận chuyển nhượng đất của Th để làm giả các giấy tờ mang thông tin cá nhân ông Cường nhằm thực hiện hành vi lừa đảo. Do vậy, hành vi của bị cáo đồng phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” với vai trò là người giúp sức làm 05 tài liệu giả.

Hành vi đó của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự

và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính. Bị cáo nhận thức được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Mảnh trích lục địa chính, Giấy xác nhận tình trạng bất động sản là tài liệu liên quan đến thửa đất thực tế do cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận theo quy định của pháp luật; Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy chứng minh nhân dân được Cơ quan công an cấp cho cá nhân, hộ gia đình, nhưng để chiếm đoạt tài sản của bị hại bị cáo và đồng phạm đã làm giả các giấy tờ này nhằm cho bị hại tưởng là thật để giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, hành vi này là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn nhằm trốn tránh sự trừng trị của pháp luật, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc truy tìm, bắt giữ để đưa ra xét xử nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo nhiều lần giúp Võ Thị Kim Th thực hiện hành vi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động người thân bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo có người thân là người có công với Nhà nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Quan điểm của người bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận; riêng đề nghị mức hình phạt là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét bị cáo phạm tội là đồng phạm giúp sức, việc phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt theo khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo cùng một lần xét xử về nhiều tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[10] Đối với hành vi của người đóng giả tên Trần Huy Cường, Trần Huy Hoàng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên sẽ xử lý ở vụ án khác khi có căn cứ.

[11] Đối với hành vi của Võ Thị Kim Th, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày

07/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng mà bà Trương Thị Kim T đã giao cho bà Đặng Xuân Phương L để bồi thường, khắc phục hậu quả, bà T không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp về số tiền bồi thường thì giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[12] Về án phí: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trương Minh Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 341; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh Tr 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội là 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2022.

2. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Minh Tr phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa (2);
- Người tham gia tố tụng khác (3);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (3);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, PHT, 23.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ